

BẢNG ĐẶC TẠ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI NĂM HỌC 2024 – 2025

MÔN CÔNG NGHỆ 11 – CÔNG NGHỆ CHĂN NUÔI

(TN nhiều lựa chọn 6 điểm : TN đúng sai 4 điểm)

TT	Chương/ chủ đề	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số lượng chỉ báo	
				Trắc nghiệm	
				Nhiều lựa chọn	Đúng/sai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Giới thiệu chung về chăn nuôi	Bài 2: Vật nuôi và phương thức chăn nuôi	Nhận biết: - Nêu được cách phân loại vật nuôi theo nguồn gốc. - Nêu được cách phân loại vật nuôi theo đặc tính sinh vật học. - Nêu được cách phân loại vật nuôi theo mục đích sử dụng. - Kể tên được một số một số phương thức chăn nuôi phổ biến ở Việt Nam. - Nêu được đặc điểm của một số phương thức chăn nuôi phổ biến. - Nêu được xu hướng phát triển của chăn nuôi ở Việt Nam và trên thế giới. - Nêu được đặc điểm của chăn nuôi bền vững, chăn nuôi thông minh.	4	

			Thông hiểu: - Phân loại được các loại vật nuôi theo nguồn gốc. - Phân loại được các loại vật nuôi theo đặc tính sinh vật học. - Phân loại được các loại vật nuôi theo mục đích sử dụng. - Phân biệt được các hình thức chăn nuôi phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến. - Nhận biết được những phương thức chăn nuôi đang được áp dụng ở gia đình, địa phương.	2	
			Vận dụng: - Phân loại được các vật nuôi của địa phương vào các nhóm phù hợp theo nguồn gốc, đặc tính sinh vật học và mục đích sử dụng. - Đề xuất được phương thức chăn nuôi phù hợp cho một số đối tượng vật nuôi ở gia đình và địa phương.		
2	Công nghệ giống vật nuôi	Bài 6: Ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn và	Thông hiểu: - Phân tích được một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong nhân giống vật nuôi. - Phân tích được một số ứng dụng của công nghệ sinh học trong chọn giống vật nuôi.	4	

		nhân giống vật nuôi	Vận dụng: -- Đề xuất được biện pháp công nghệ sinh học ứng dụng trong nhân giống vật nuôi phù hợp với thực tiễn ở gia đình, địa phương.		1
3	Công nghệ thức ăn chăn nuôi	Bài 7: Thức ăn và nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi	Nhận biết: - Trình bày được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi. - Nêu được ý nghĩa thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi. - Nêu được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi.	6	
			Thông hiểu: - Phân biệt được các khái niệm: nhu cầu dinh dưỡng, thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn của vật nuôi. - Giải thích được ý nghĩa của việc xác định thành phần dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn đối với vật nuôi và chăn nuôi. - Giải thích được vai trò của các nhóm thức ăn đối với vật nuôi.	2	
			Vận dụng:		1

			- Phân tích được nhu cầu dinh dưỡng, tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn cho một loại vật nuôi phổ biến ở gia đình, địa phương.		
		Bài 8: Sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi	Nhận biết: - Kể tên được các nguyên liệu chính dùng để sản xuất thức ăn chăn nuôi. - Kể tên được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được tên các bước của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Kể tên được một số phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Nêu được ưu nhược điểm của các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến.	6	
			Thông hiểu: - Tóm tắt được một số phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp sản xuất thức ăn chăn nuôi phổ biến.		1

			- Tóm tắt được một số phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến. - So sánh được ưu nhược điểm của các phương pháp chế biến thức ăn chăn nuôi phổ biến. - Trình bày được ứng dụng của công nghệ cao trong chế biến thức ăn chăn nuôi. - Lựa chọn được nguyên liệu phù hợp để chế biến thức ăn cho một loại vật nuôi cụ thể. - Lựa chọn được phương pháp phù hợp để chế biến thức ăn cho các đối tượng vật nuôi khác nhau		
Tổng số câu				24	4

Lưu ý:

- Với câu hỏi ở mức độ nhận biết và thông hiểu thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).